

Bản án số: **92/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 29-6-2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Tùng

Bà Trần Thị Kim Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 754/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/6/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Lệ K, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Ấp S, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Ấp S, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Thị Lệ K trình bày: Chị và anh Võ Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Đây là lần kết hôn đầu của anh chị.

Cuộc sống chung của anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không biết thương vợ con, có những lời lẽ xúc phạm chị và gia đình chị, ngoài ra anh T nhiều lần đánh đập chị. Anh chị đã không còn chung sống với

nhau từ tháng 6/2022 đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, chị không thể tiếp tục chung sống với anh T nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là cháu Võ Văn T1, sinh ngày: 15/10/2008 và cháu Võ Minh N, sinh ngày: 01/4/2016. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: anh chị không có nợ chung.

Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

- *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Võ Văn T trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị K về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Cuộc sống chung của anh chị bình thường, không có mâu thuẫn gì lớn, cũng có xảy ra cãi nhau. Năm 2017, do bức tức, anh có đánh chị K một lần. Ngày 14/5/2022, anh đi làm có uống vài ly bia ở công trình với anh em về thì thấy người hàng xóm kể bên xả thải bẩn qua mương trước cửa nhà nên anh có nói qua lại và có chửi thề với hàng xóm thì vợ anh có ra trấn chỉnh anh, nói anh không được chửi như vậy. Anh sẵn có hơi men và bức bối nên khi vô nhà, anh và vợ có xảy ra cãi vã. Trong lúc nóng giận, anh có đập chiếc ấm thủy tinh vô tường, không may mảnh thủy tinh cắm vô trán chị K gây chảy máu chứ anh không đánh đập gì vợ. Sau khi sự việc xảy ra, anh cũng lo lắng cầm máu cho vợ chứ không cãi vã nữa. Sau đó khoảng 1 tuần lễ thì chị K bỏ về nhà ngoại sống cho tới nay. Trong quá trình vợ về nhà ngoại, anh có tới gặp xin lỗi và hàn gắn tình cảm với chị K nhưng chị không chịu và tới nay thì yêu cầu ly hôn với anh. Anh còn rất thương vợ, thương con; anh đã nhận ra sai lầm của mình nên anh không đồng ý, anh đề nghị Tòa án hòa giải, hàn gắn tình cảm cho vợ chồng anh được đoàn tụ với nhau để các con có đầy đủ cha mẹ, vợ chồng cùng nhau làm ăn lo cho các con. Anh hứa sẽ thay đổi bản thân, không to tiếng, xô xát với vợ nữa.

Về con chung: anh chị có 02 con chung như chị K trình bày. Trường hợp ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Võ Minh N, giao cháu Võ Văn T1 cho chị K nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con cho chị K.

Về tài sản chung: anh yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh chị không có nợ chung

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cơ bản đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định

của pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: căn cứ các Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K, chị K được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Võ Văn T1, sinh ngày: 15/10/2008 và cháu Võ Minh N, sinh ngày: 01/4/2016 cho chị K nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: chị K không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không giải quyết. Về tài sản chung: và nợ chung: đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Trương Thị Lệ K khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn T và yêu cầu được nuôi con nên quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh T có nơi cư trú tại ấp S, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị K có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh T, nên xác định chị K là nguyên đơn, anh T là bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Chị K khai cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh T không biết thương vợ con, có những lời lẽ xúc phạm chị và gia đình chị, ngoài ra anh T nhiều lần đánh đập chị. Anh chị đã không còn chung sống với nhau từ tháng 6/2022 đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, chị không thể tiếp tục chung sống với anh T nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Anh T không đồng ý ly hôn với chị K vì anh còn thương vợ. Tuy nhiên anh cũng thừa nhận anh đã có lần đánh vợ và có to tiếng, xô xát với chị K. Chị K cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh T. Anh T không có nỗ lực thật sự để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng và cũng không đưa ra được lý do chính đáng và không đưa ra được phương án để vợ chồng được đoàn tụ. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị K và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị K và anh T có 02 con chung là cháu Võ Văn T1, sinh ngày: 15/10/2008 và cháu Võ Minh N, sinh ngày: 01/4/2016.

Khi ly hôn, chị K yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung; anh T yêu cầu được nuôi cháu N, giao cháu T1 cho chị K nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Võ Minh N có nguyện vọng được sống với mẹ; cháu Võ Văn T1 thuộc đối tượng người khuyết tật nặng là trẻ em, hai cháu đều cần có sự quan tâm, chăm sóc của mẹ nên giao cháu T1 và cháu N cho chị K nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị K và anh T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị K và anh T khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị K phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 56, Điều 81 Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Lệ K.

1. Chấp nhận cho chị Trương Thị Lệ K được ly hôn với anh Võ Văn T.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 1/2005 ngày 17/10/2005 do Ủy ban nhân dân xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao 2 con chung là cháu Võ Văn T1, sinh ngày: 15/10/2008 và cháu Võ Minh N, sinh ngày: 01/4/2016 cho chị Trương Thị Lệ K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thị Lệ K không yêu cầu anh Võ Văn T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Anh Võ Văn T được quyền thăm nom con chung nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Trương Thị Lệ K. Khi cần thiết, chị Trương Thị Lệ K và anh Võ Văn T được quyền yêu

cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trương Thị Lệ K phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trương Thị Lệ K đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0007012 ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc. Chị Trương Thị Lệ K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh Hương